

TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI DOANH NGHIỆP VIỆT NAM HIỆN NAY

DƯƠNG THỊ THIỀU

Học viện Tài chính - Phân hiệu Hưng Yên

Nhận bài ngày 15/7/2026. Sửa chữa xong 15/8/2026. Duyệt đăng 18/8/2026.

Abstract

Digital transformation is bringing significant changes to the organization and implementation of accounting functions in Vietnamese enterprises. This article analyzes the current state of digital transformation in accounting, focusing on achievements, existing limitations, and factors affecting the transformation process. The findings indicate that the adoption of electronic invoices, accounting software, integrated management systems, cloud computing, and automation technologies has contributed to improving operational productivity, reducing processing time and costs, and enhancing the accuracy and transparency of accounting information. However, the digital transformation process continues to face challenges related to financial resources, workforce quality, data integration capabilities, organizational awareness, and information security. Based on this analysis, the article proposes solutions to improve accounting efficiency and strengthen enterprises' management capabilities in the digital economy.

Keywords: Accounting, digital transformation, enterprises, solutions, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình xây dựng nền kinh tế số, chuyển đổi số (CĐS) đang trở thành xu hướng tất yếu đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa quy trình và các nền tảng số đã làm thay đổi phương thức tổ chức, vận hành và quản trị doanh nghiệp. Trong đó, công tác kế toán là một trong những lĩnh vực chịu tác động trực tiếp của quá trình CĐS, bởi đây là bộ phận có chức năng thu thập, xử lý, cung cấp thông tin tài chính và hỗ trợ kiểm soát hoạt động kinh doanh. Việc ứng dụng công nghệ số trong kế toán không chỉ giúp doanh nghiệp giảm thiểu công việc thủ công, tiết kiệm thời gian và chi phí mà còn góp phần nâng cao tính chính xác, kịp thời và minh bạch của thông tin kế toán. Tại Việt Nam, CĐS trong lĩnh vực kế toán đã có những bước phát triển đáng kể, đặc biệt thông qua việc triển khai hóa đơn điện tử, chữ ký số, phần mềm kế toán, giao dịch ngân hàng điện tử và các hệ thống quản trị doanh nghiệp tích hợp. Việc ban hành và triển khai các quy định mới về hóa đơn, chứng từ điện tử cũng như chế độ kế toán doanh nghiệp tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho quá trình số hóa hoạt động kế toán. Đặc biệt, Thông tư số 99/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về chế độ kế toán doanh nghiệp trong bối cảnh môi trường kinh doanh và công nghệ có nhiều thay đổi. Tuy nhiên, mức độ ứng dụng CĐS trong công tác kế toán giữa các doanh nghiệp vẫn chưa đồng đều. Nhiều doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa còn gặp khó khăn về nguồn lực tài chính, trình độ công nghệ, chất lượng nhân lực, khả năng tích hợp dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin. Một số doanh nghiệp mới dừng lại ở việc sử dụng phần mềm kế toán và hóa đơn điện tử mà chưa thực sự tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ theo hướng số hóa và quản trị dựa trên dữ liệu.

Email: duongthithieu@hvtc.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Về ứng dụng chuyển đổi số trong công tác kế toán tại doanh nghiệp Việt Nam hiện nay

2.1.1. Những kết quả đạt được trong ứng dụng chuyển đổi số

Mức độ số hóa chứng từ và nghiệp vụ kế toán ngày càng được nâng cao: Một trong những kết quả rõ nét nhất là doanh nghiệp đã chuyển dần từ việc sử dụng chứng từ, hóa đơn giấy sang môi trường điện tử. Hóa đơn điện tử giúp doanh nghiệp thực hiện việc lập, phát hành, gửi, tiếp nhận và lưu trữ hóa đơn trên môi trường số, qua đó giảm đáng kể khối lượng công việc liên quan đến in ấn, vận chuyển và bảo quản chứng từ. Việc triển khai hóa đơn điện tử trên phạm vi rộng cũng tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc tra cứu, đối chiếu và cung cấp thông tin phục vụ công tác kế toán, kiểm toán và quản lý thuế (Lê Ngọc Diệp, Trần Văn Hùng, 2024). Đây là một bước chuyển quan trọng bởi dữ liệu hóa đơn không còn tồn tại chủ yếu dưới dạng hồ sơ giấy mà trở thành nguồn dữ liệu có thể được khai thác và kết nối với các hệ thống nghiệp vụ khác. Ví dụ, đối với một doanh nghiệp thương mại phát sinh hàng nghìn giao dịch bán hàng mỗi tháng, trước đây bộ phận kế toán có thể phải xử lý số lượng lớn hóa đơn giấy, thực hiện lưu trữ theo từng kỳ và mất nhiều thời gian khi cần tra cứu. Khi chuyển sang hóa đơn điện tử, thông tin hóa đơn có thể được tìm kiếm nhanh theo khách hàng, thời gian, giá trị hoặc mã giao dịch. Nếu hệ thống hóa đơn được kết nối với phần mềm bán hàng và kế toán, dữ liệu phát sinh từ một giao dịch có thể được sử dụng đồng thời cho việc ghi nhận doanh thu, theo dõi công nợ và lập báo cáo. Như vậy, số hóa chứng từ không chỉ giúp giảm công việc hành chính mà còn tạo nền tảng cho việc tự động hóa các nghiệp vụ kế toán.

Sử dụng phần mềm kế toán và các nền tảng quản trị đã góp phần nâng cao năng suất xử lý nghiệp vụ: Phần lớn doanh nghiệp hiện nay đã có xu hướng sử dụng phần mềm để hỗ trợ các công việc như ghi nhận nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý công nợ, hàng tồn kho, tài sản cố định, doanh thu, chi phí và lập báo cáo. So với phương thức xử lý thủ công, phần mềm giúp giảm việc tính toán lặp lại, hạn chế sai sót trong quá trình tổng hợp và rút ngắn thời gian lập báo cáo. Đối với những doanh nghiệp có quy mô lớn, hệ thống ERP còn cho phép tích hợp kế toán với các bộ phận sản xuất, mua hàng, bán hàng và quản lý kho, qua đó tạo ra luồng thông tin thống nhất trong toàn doanh nghiệp. Chẳng hạn, một doanh nghiệp sản xuất khi phát sinh đơn hàng có thể đồng thời cập nhật thông tin về doanh thu dự kiến, nhu cầu nguyên vật liệu, kế hoạch sản xuất và công nợ khách hàng. Khi hàng hóa được xuất kho, dữ liệu về số lượng hàng xuất có thể được chuyển sang hệ thống kế toán để phục vụ xác định giá vốn và theo dõi tồn kho. Nhờ đó, kế toán không phải chờ nhận và nhập lại từng loại chứng từ từ các bộ phận khác nhau. Kết quả này góp phần giảm thời gian xử lý và nâng cao tính nhất quán của dữ liệu.

Khả năng kết nối và khai thác dữ liệu phục vụ quản trị doanh nghiệp từng bước được cải thiện: Một kết quả quan trọng khác của CĐS là dữ liệu kế toán ngày càng được sử dụng không chỉ cho mục tiêu lập báo cáo tài chính mà còn phục vụ phân tích và ra quyết định (Lê Thị Hải Đường, Phan Lê Ngọc Châu, 2022). Khi dữ liệu từ kế toán được kết nối với dữ liệu bán hàng, kho, ngân hàng và công nợ, nhà quản trị có thể theo dõi tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh theo nhiều chiều khác nhau. Thay vì chỉ biết tổng doanh thu cuối kỳ, doanh nghiệp có thể phân tích doanh thu theo sản phẩm, khách hàng, khu vực hoặc nhân viên kinh doanh; đồng thời theo dõi chi phí và lợi nhuận tương ứng. Ví dụ, một doanh nghiệp phân phối có thể sử dụng dữ liệu kế toán kết hợp với dữ liệu bán hàng để xác định nhóm sản phẩm có doanh thu cao nhưng biên lợi nhuận thấp. Nếu chỉ dựa vào doanh thu, nhà quản trị có thể đánh giá đây là nhóm sản phẩm hoạt động tốt. Tuy nhiên, khi dữ liệu doanh thu được kết hợp với giá vốn, chi phí vận chuyển, chi phí bán hàng và công nợ, doanh nghiệp có thể nhận thấy lợi nhuận thực tế của nhóm sản phẩm này không cao. Thông tin đó giúp nhà quản trị điều chỉnh chính sách giá, lựa chọn sản phẩm và kiểm soát chi phí hiệu quả hơn. Điều này cho thấy CĐS đã góp phần làm thay đổi vai trò của dữ liệu kế toán từ công cụ ghi nhận sang nguồn thông tin hỗ trợ quản trị.

Tính minh bạch, khả năng kiểm tra và kiểm soát dữ liệu kế toán được nâng cao: Trong môi trường số,

nhiều hệ thống có khả năng lưu lại lịch sử thao tác, thời gian cập nhật, người thực hiện và các thay đổi đối với dữ liệu. Điều này giúp doanh nghiệp tăng cường kiểm soát nội bộ và hỗ trợ quá trình kiểm tra, kiểm toán. Việc lưu trữ chứng từ điện tử cũng giúp giảm nguy cơ thất lạc chứng từ vật lý và tạo thuận lợi khi cần truy xuất thông tin của một giao dịch cụ thể. Ví dụ, khi kiểm tra một khoản chi phí, kế toán hoặc kiểm toán viên có thể truy xuất từ bút toán trên phần mềm đến chứng từ điện tử liên quan, thông tin người lập, người phê duyệt và dữ liệu thanh toán. So với việc tìm kiếm hồ sơ giấy trong nhiều tập chứng từ, phương thức này giúp rút ngắn thời gian kiểm tra và tăng khả năng truy nguyên nguồn gốc của giao dịch. Đồng thời, việc phân quyền trên hệ thống cũng giúp hạn chế tình trạng một cá nhân có thể đồng thời thực hiện tất cả các bước từ lập, phê duyệt đến ghi nhận giao dịch.

Công tác lập báo cáo kế toán và báo cáo quản trị ngày càng được thực hiện nhanh chóng và linh hoạt hơn: Khi dữ liệu được cập nhật thường xuyên và hệ thống có khả năng tổng hợp tự động, thời gian lập báo cáo có thể được rút ngắn đáng kể. Các công cụ trực quan hóa dữ liệu còn cho phép nhà quản trị theo dõi các chỉ tiêu tài chính dưới dạng bảng điều khiển, biểu đồ hoặc báo cáo phân tích (Nguyễn Hữu Mạnh, Vương Thị Hương Giang, Nguyễn Thành Cường, 2021). Đây là bước tiến quan trọng đối với doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường biến động nhanh và yêu cầu ra quyết định ngày càng cao. Ví dụ, thay vì chờ đến cuối tháng mới tổng hợp doanh thu và chi phí, một doanh nghiệp có thể xây dựng bảng điều khiển quản trị để theo dõi doanh thu theo ngày, công nợ khách hàng, hàng tồn kho và dòng tiền. Khi phát hiện doanh thu của một nhóm khách hàng giảm hoặc công nợ quá hạn tăng, nhà quản trị có thể yêu cầu bộ phận kinh doanh kiểm tra và xử lý sớm. Như vậy, kế toán số góp phần chuyển thông tin tài chính từ trạng thái “báo cáo sau khi sự việc xảy ra” sang trạng thái “cảnh báo và hỗ trợ ra quyết định”.

2.1.2. Những tồn tại, hạn chế trong ứng dụng chuyển đổi số

Nguồn lực tài chính dành cho CĐS còn hạn chế, đặc biệt đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa: Việc chuyển đổi sang mô hình kế toán số đòi hỏi doanh nghiệp phải đầu tư không chỉ cho phần mềm mà còn cho hạ tầng công nghệ, thiết bị, bảo mật dữ liệu, đào tạo nhân viên và chi phí duy trì hệ thống. Đối với doanh nghiệp có nguồn lực tài chính hạn chế, đây là rào cản đáng kể. Nhiều doanh nghiệp có tâm lý ưu tiên các khoản đầu tư trực tiếp tạo ra doanh thu và xem đầu tư công nghệ kế toán là khoản chi phí chưa mang lại lợi ích ngay lập tức. Chẳng hạn, một doanh nghiệp thương mại quy mô nhỏ có thể đã sử dụng hóa đơn điện tử nhưng vẫn quản lý công nợ và hàng tồn kho bằng Excel vì chưa đủ nguồn lực triển khai một hệ thống tích hợp. Cách làm này giúp tiết kiệm chi phí trước mắt nhưng lại làm tăng khối lượng công việc thủ công và hạn chế khả năng khai thác dữ liệu phục vụ quản trị.

Hệ thống công nghệ và dữ liệu kế toán tại nhiều doanh nghiệp còn thiếu tính liên thông: Một trong những hạn chế phổ biến là doanh nghiệp sử dụng nhiều phần mềm riêng biệt nhưng các hệ thống chưa được tích hợp đầy đủ. Dữ liệu bán hàng, kho, ngân hàng và kế toán có thể được quản lý trên những nền tảng khác nhau, dẫn đến tình trạng phải nhập lại dữ liệu nhiều lần (Nguyễn Phước Bảo Ấn, Trần Minh Đức, Lê Thị Ngọc Anh, 2021). Khi dữ liệu không được đồng bộ, nguy cơ chênh lệch giữa các báo cáo tăng lên và kế toán phải dành nhiều thời gian để đối chiếu. Ví dụ, bộ phận bán hàng ghi nhận doanh thu trên một phần mềm, bộ phận kho theo dõi xuất nhập tồn trên Excel, trong khi kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán riêng. Khi cuối tháng phát sinh chênh lệch giữa doanh thu, hàng xuất kho và số liệu kế toán, nhân viên phải kiểm tra từng hệ thống để xác định nguyên nhân. Điều này cho thấy doanh nghiệp có thể đã “sử dụng công nghệ” nhưng chưa thực sự “CĐS” theo nghĩa tích hợp và tự động hóa quy trình.

Chất lượng nguồn nhân lực kế toán chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của môi trường số: CĐS làm thay đổi đáng kể yêu cầu đối với người làm kế toán. Ngoài kiến thức chuyên môn về kế toán, tài chính và thuế, kế toán viên cần có kỹ năng sử dụng phần mềm, quản trị dữ liệu, phân tích thông tin, nhận diện rủi ro công nghệ và bảo mật thông tin. Tuy nhiên, một bộ phận nhân viên kế toán vẫn quen với phương thức xử lý thủ công và chưa có khả năng khai thác đầy đủ các chức năng của hệ thống số. Ví dụ, doanh

ngành có thể đã đầu tư phần mềm có khả năng lập báo cáo quản trị và phân tích dòng tiền nhưng kế toán chủ yếu sử dụng các chức năng nhập chứng từ và lập báo cáo tài chính cơ bản. Khi đó, chi phí đầu tư công nghệ chưa được chuyển hóa thành giá trị quản trị tương xứng.

Nhận thức về CDS của một số doanh nghiệp còn chưa đầy đủ: Một số doanh nghiệp đồng nhất CDS với việc mua phần mềm, sử dụng hóa đơn điện tử hoặc chuyển hồ sơ giấy sang hồ sơ điện tử. Trong khi đó, bản chất của CDS phải bao gồm cả việc thay đổi quy trình, tổ chức dữ liệu, phương thức kiểm soát và cách thức sử dụng thông tin (Nguyễn Thị Hồng Duyên và cộng sự, 2023). Nếu doanh nghiệp chỉ thay đổi công cụ nhưng giữ nguyên quy trình thủ công thì hiệu quả đạt được sẽ hạn chế. Chẳng hạn, doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử nhưng vẫn in hóa đơn ra giấy để lưu trữ và nhập lại toàn bộ thông tin vào nhiều hệ thống khác nhau. Trong trường hợp này, doanh nghiệp đã thực hiện số hóa một phần nhưng chưa khai thác được lợi ích về tự động hóa và liên thông dữ liệu.

2.2. Giải pháp tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong công tác kế toán tại doanh nghiệp Việt Nam hiện nay

2.2.1. Xây dựng chiến lược và lộ trình chuyển đổi số công tác kế toán phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp

Doanh nghiệp cần xây dựng chiến lược CDS công tác kế toán theo hướng có trọng tâm, phù hợp với quy mô, lĩnh vực hoạt động, năng lực tài chính và mức độ sẵn sàng về công nghệ. Thực tế cho thấy một trong những nguyên nhân khiến hoạt động CDS chưa đạt hiệu quả là doanh nghiệp có xu hướng đầu tư vào phần mềm hoặc công nghệ mới nhưng chưa xác định rõ mục tiêu, quy trình cải thiện và kết quả cần đạt được. CDS kế toán không nên được hiểu đơn thuần là thay thế sổ sách giấy bằng phần mềm mà phải hướng tới thay đổi toàn bộ phương thức thu thập, xử lý, lưu trữ và khai thác thông tin kế toán. Vì vậy, trước khi lựa chọn giải pháp công nghệ, doanh nghiệp cần đánh giá hiện trạng hệ thống kế toán, xác định các công đoạn còn thủ công, các điểm gây lãng phí thời gian và những hạn chế trong việc cung cấp thông tin quản trị. Doanh nghiệp có thể triển khai CDS theo lộ trình từng bước. Giai đoạn đầu tập trung vào số hóa chứng từ, hóa đơn, chữ ký và sổ kế toán; giai đoạn tiếp theo thực hiện kết nối hệ thống kế toán với bán hàng, kho, ngân hàng và quản lý công nợ; sau đó có thể triển khai ERP, điện toán đám mây và các công cụ phân tích dữ liệu; cuối cùng tiến tới ứng dụng AI và tự động hóa các nghiệp vụ có tính lặp lại cao. Cách tiếp cận theo từng giai đoạn giúp doanh nghiệp tránh tình trạng đầu tư dàn trải, đồng thời tạo điều kiện để nhân viên thích nghi với phương thức làm việc mới. Ví dụ, một doanh nghiệp thương mại có doanh thu khoảng 50 tỷ đồng/năm nhưng vẫn sử dụng bảng tính Excel để theo dõi công nợ và nhập dữ liệu bán hàng vào phần mềm kế toán một cách thủ công. Thay vì đầu tư ngay một hệ thống ERP có chi phí lớn, doanh nghiệp có thể ưu tiên kết nối phần mềm bán hàng với phần mềm kế toán, đồng thời tích hợp dữ liệu ngân hàng để tự động đối chiếu các khoản thu. Sau khi hệ thống vận hành ổn định, doanh nghiệp mới tiếp tục triển khai quản lý kho và phân tích doanh thu theo từng nhóm sản phẩm. Như vậy, CDS được thực hiện theo nguyên tắc “từ đơn giản đến nâng cao”, phù hợp với nguồn lực thực tế và giảm thiểu rủi ro.

2.2.2. Tăng cường tích hợp và liên thông dữ liệu kế toán

Trong mô hình quản lý truyền thống, dữ liệu thường được tạo lập và lưu trữ riêng biệt tại bộ phận bán hàng, kho, mua hàng, ngân hàng, nhân sự và kế toán. Khi các hệ thống không có khả năng kết nối, nhân viên kế toán phải nhập lại dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau, vừa mất thời gian vừa làm tăng nguy cơ sai lệch. Vì vậy, doanh nghiệp cần hướng tới xây dựng một hệ thống dữ liệu thống nhất, trong đó dữ liệu được tạo lập một lần và có thể được sử dụng cho nhiều nghiệp vụ khác nhau. Việc tích hợp dữ liệu cần được thực hiện cả theo chiều ngang và chiều dọc. Theo chiều ngang, hệ thống kế toán cần kết nối với các bộ phận bán hàng, mua hàng, kho, nhân sự và ngân hàng. Theo chiều dọc, dữ liệu từ cấp độ giao dịch cần được liên kết với hệ thống báo cáo quản trị và báo cáo tài chính (Nguyễn Thị Thúy, Nguyễn Thị Thái An, 2025). Khi đó, một giao dịch bán hàng phát sinh có thể đồng thời cập nhật doanh thu, công nợ phải thu, hàng tồn kho và dòng tiền dự kiến. Nhà quản trị có thể theo dõi tình hình tài chính gần như theo thời gian thực thay vì chờ đến cuối tháng mới nhận được báo cáo. Ví dụ, một doanh

ngành sản xuất khi bán 1.000 sản phẩm cho khách hàng có thể phát sinh đồng thời nhiều thông tin: Giảm lượng hàng tồn kho, ghi nhận doanh thu, xác định giá vốn, tăng công nợ phải thu và cập nhật kế hoạch dòng tiền. Nếu các hệ thống được tích hợp, toàn bộ dữ liệu này có thể được cập nhật tự động. Ngược lại, nếu kế toán phải nhận phiếu xuất kho từ bộ phận kho, hóa đơn từ bộ phận kinh doanh và sao kê ngân hàng từ ngân hàng điện tử rồi nhập thủ công vào phần mềm, thời gian xử lý sẽ dài hơn và khả năng sai sót cao hơn.

2.2.3. Đẩy mạnh ứng dụng tự động hóa, trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu trong kế toán

Sau khi dữ liệu và quy trình được chuẩn hóa, doanh nghiệp cần từng bước ứng dụng tự động hóa và AI nhằm nâng cao hiệu suất xử lý nghiệp vụ. Các công nghệ như RPA, OCR và AI có thể hỗ trợ nhiều công việc kế toán có tính chất lặp lại, khối lượng lớn và có quy trình tương đối ổn định. Việc tự động hóa không chỉ giúp giảm thời gian xử lý mà còn cho phép kế toán viên chuyển trọng tâm từ nhập liệu sang kiểm soát, phân tích và tư vấn tài chính. OCR có thể được sử dụng để nhận dạng thông tin trên hóa đơn, chứng từ và phiếu thu, phiếu chi. RPA có thể thực hiện các thao tác lặp lại như lấy dữ liệu từ hệ thống ngân hàng, đối chiếu giao dịch, cập nhật công nợ hoặc tổng hợp báo cáo. AI có thể được ứng dụng ở mức cao hơn để phát hiện giao dịch bất thường, phân tích xu hướng chi phí, dự báo dòng tiền hoặc hỗ trợ đánh giá khả năng thanh toán của khách hàng. Ví dụ, một doanh nghiệp có khoảng 5.000 hóa đơn đầu vào mỗi tháng. Nếu kế toán phải kiểm tra và nhập thủ công từng hóa đơn, khối lượng công việc rất lớn. Doanh nghiệp có thể sử dụng công nghệ nhận dạng dữ liệu để tự động đọc mã số thuế, ngày hóa đơn, số tiền, thuế suất và các thông tin liên quan; sau đó hệ thống chuyển dữ liệu vào phần mềm kế toán. Kế toán viên chỉ cần kiểm tra các trường hợp hệ thống cảnh báo hoặc những chứng từ có dấu hiệu bất thường. Như vậy, công nghệ không loại bỏ vai trò của kế toán mà giúp kế toán tập trung vào những công việc đòi hỏi phán đoán chuyên môn. Đối với AI, doanh nghiệp có thể sử dụng để phân tích dữ liệu chi phí theo tháng và phát hiện những khoản chi có mức biến động bất thường. Chẳng hạn, chi phí điện của một nhà máy thông thường dao động trong khoảng 800 triệu đến 1 tỷ đồng mỗi tháng nhưng đột ngột tăng lên 1,5 tỷ đồng. Hệ thống AI có thể đưa ra cảnh báo để kế toán và bộ phận quản trị kiểm tra nguyên nhân. Qua đó, kế toán chuyển từ vai trò “ghi nhận chi phí” sang vai trò “phát hiện và phân tích vấn đề tài chính”.

2.2.4. Phát triển nguồn nhân lực kế toán đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

Con người là yếu tố quyết định sự thành công của CĐS. Một hệ thống phần mềm hiện đại nhưng người sử dụng không có đủ năng lực khai thác sẽ không tạo ra hiệu quả tương xứng. Trong môi trường số, yêu cầu đối với kế toán viên đã thay đổi đáng kể. Bên cạnh kiến thức về kế toán, tài chính và thuế, kế toán viên cần có khả năng sử dụng phần mềm, xử lý dữ liệu, phân tích thông tin, nhận diện rủi ro công nghệ và bảo vệ dữ liệu. Doanh nghiệp cần xây dựng chương trình đào tạo thường xuyên thay vì chỉ tổ chức đào tạo một lần khi triển khai phần mềm mới. Nội dung đào tạo nên được thiết kế theo từng nhóm nhân sự (Trần Đình Khôi Nguyên, 2021). Đối với kế toán viên, trọng tâm là sử dụng hệ thống, kiểm soát dữ liệu và phân tích báo cáo. Đối với kế toán trưởng, cần tăng cường kỹ năng quản trị dữ liệu, kiểm soát hệ thống và đánh giá hiệu quả đầu tư công nghệ. Đối với lãnh đạo doanh nghiệp, cần nâng cao nhận thức về vai trò của dữ liệu kế toán trong quản trị. Ví dụ, khi một doanh nghiệp triển khai hệ thống ERP, nếu chỉ đào tạo nhân viên cách nhập chứng từ mà không hướng dẫn cách kiểm tra luồng dữ liệu giữa kho, bán hàng và kế toán thì nguy cơ phát sinh sai lệch vẫn rất lớn. Ngược lại, nếu kế toán được đào tạo để hiểu mối liên hệ giữa từng nghiệp vụ và dữ liệu trên hệ thống, họ có thể phát hiện sai sót sớm và khai thác hệ thống hiệu quả hơn.

2.2.5. Tăng cường bảo mật, quản trị dữ liệu và kiểm soát rủi ro công nghệ

Cùng với những lợi ích, CĐS cũng làm gia tăng các rủi ro liên quan đến dữ liệu và an toàn thông tin. Dữ liệu kế toán chứa nhiều thông tin quan trọng như doanh thu, chi phí, lợi nhuận, công nợ, thông tin khách hàng, nhà cung cấp và các giao dịch tài chính. Nếu dữ liệu bị mất, bị thay đổi trái phép hoặc bị truy cập bởi người không có thẩm quyền, doanh nghiệp có thể chịu thiệt hại về tài chính và uy tín.

Do đó, doanh nghiệp cần xây dựng hệ thống kiểm soát truy cập theo nguyên tắc “đúng người - đúng quyền - đúng mục đích”. Không phải tất cả nhân viên kế toán đều cần có quyền truy cập vào toàn bộ dữ liệu. Chẳng hạn, nhân viên phụ trách công nợ phải thu có thể được phép xem và cập nhật dữ liệu khách hàng nhưng không nhất thiết có quyền thay đổi hệ thống tài khoản hoặc xóa chứng từ. Việc phân quyền rõ ràng giúp giảm nguy cơ thao tác sai hoặc gian lận nội bộ. Ví dụ, nếu một doanh nghiệp bị lỗi hệ thống khiến dữ liệu kế toán của ba tháng gần nhất không thể truy cập, việc có bản sao lưu độc lập sẽ giúp doanh nghiệp nhanh chóng khôi phục hoạt động. Ngược lại, nếu doanh nghiệp chỉ lưu dữ liệu trên một máy chủ duy nhất mà không có phương án sao lưu, rủi ro gián đoạn hoạt động có thể rất lớn. Vì vậy, bảo mật và quản trị dữ liệu cần được xem là một cấu phần không thể tách rời của CĐS kế toán.

3. Kết luận

Chuyển đổi số đang tạo ra những thay đổi sâu rộng trong phương thức tổ chức và thực hiện công tác kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc ứng dụng công nghệ số như hóa đơn điện tử, phần mềm kế toán, điện toán đám mây, hệ thống ERP, tự động hóa quy trình và trí tuệ nhân tạo đã góp phần nâng cao năng suất xử lý nghiệp vụ, giảm chi phí, hạn chế sai sót và cải thiện tính kịp thời, minh bạch của thông tin kế toán. Đồng thời, dữ liệu kế toán được số hóa và tích hợp còn tạo điều kiện để doanh nghiệp tăng cường kiểm soát nội bộ, phân tích tình hình tài chính và cung cấp thông tin hữu ích cho quá trình ra quyết định quản trị. Tuy nhiên, quá trình CĐS trong công tác kế toán tại Việt Nam vẫn còn một số hạn chế, đặc biệt là sự chênh lệch về mức độ ứng dụng công nghệ giữa các doanh nghiệp, hạn chế về nguồn lực tài chính và nhân lực, tình trạng dữ liệu phân tán, thiếu khả năng kết nối giữa các hệ thống và những rủi ro liên quan đến an toàn, bảo mật thông tin. Vì vậy, CĐS kế toán cần được tiếp cận như một quá trình đổi mới tổng thể, trong đó công nghệ chỉ là một yếu tố; hiệu quả chuyển đổi còn phụ thuộc vào việc chuẩn hóa quy trình, quản trị dữ liệu, phát triển nguồn nhân lực và hoàn thiện hệ thống kiểm soát. Để tăng cường ứng dụng CĐS trong công tác kế toán, doanh nghiệp cần xây dựng lộ trình phù hợp với quy mô và năng lực, ưu tiên tích hợp dữ liệu, từng bước ứng dụng tự động hóa và AI, đồng thời nâng cao năng lực số của đội ngũ kế toán. Về phía Nhà nước, cần tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý, chuẩn hóa dữ liệu, tăng cường khả năng liên thông giữa các hệ thống và có chính sách hỗ trợ phù hợp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khi các giải pháp về công nghệ, con người, quy trình và thể chế được triển khai đồng bộ, CĐS sẽ góp phần đưa công tác kế toán từ chức năng ghi nhận và báo cáo truyền thống trở thành hệ thống thông tin chiến lược, hỗ trợ hiệu quả cho quản trị, nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế số.

Tài liệu tham khảo

- Lê Ngọc Diệp, Trần Văn Hùng (2024). Các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán tại doanh nghiệp nhỏ và vừa. *Tạp chí Tài chính*, số 9, tr. 45-52.
- Lê Thị Hải Đường, Phan Lê Ngọc Châu (2022). Rào cản trong quá trình chuyển đổi số kế toán tại doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 302, tr. 63-71.
- Nguyễn Hữu Mạnh, Vương Thị Hương Giang, Nguyễn Thành Cường (2021). *Chuyển đổi số: Cơ hội và thách thức đặt ra cho lĩnh vực kế toán - kiểm toán tại Việt Nam*. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia về Kế toán và Kiểm toán (VCAA 2021), tr. 128-135.
- Nguyễn Phước Bảo Ấn, Trần Minh Đức, Lê Thị Ngọc Anh (2021). Các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán doanh nghiệp. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, số 509, tr. 55-64.
- Nguyễn Thị Hồng Duyên, Trần Thị Minh Ngọc, Phạm Quốc Khánh (2023). Các nhân tố tác động đến chuyển đổi số kế toán tại doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. *Tạp chí Kế toán & Kiểm toán*, số 7, tr. 28-36.
- Nguyễn Thị Thúy, Nguyễn Thị Thái An (2025). Nhận thức lợi ích và quyết định chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán tại doanh nghiệp Việt Nam. *Tạp chí Tài chính*, số 2, tr. 14-21.
- Trần Đình Khôi Nguyễn (2021). Chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán. *Tạp chí Kế toán & Kiểm toán*, số 3, tr. 76-82.